

2-1995

## Huế 1945: vài sự kiện đáng ghi

**Tôn Thất Thiện**

Đối với những người tự coi là con em xứ Huế, sinh ở Huế, lớn lên ở Huế, trưởng thành ở Huế, năm 1945 có thể coi như là một gạch lớn chia hai cuộc đời của họ: "trước 1945" và "sau 1945" là hai giai đoạn riêng biệt và rất khác nhau, hai giai đoạn không thể so sánh được vì nó thuộc về hai thế giới khác nhau. Trước năm 1945 họ được sống những ngày êm đềm vui thích, trong một khung cảnh cổ kính vừa mỹ lệ, vừa oai nghi trong một thế giới có tôn ti trật tự, đạo lý kỷ cương: một thế giới biết Nhân, Lễ, Nghĩa; biết Thành, Tín; biết Trí, Dũng; biết Từ bi Bác ái. Sau năm 1945, họ phải sống trong một thế giới mà ngày đêm ai cũng phải ưu tư lo sợ vì không biết lúc nào mình sẽ thành một nạn nhân của bom đạn, bạo lực, mê muội, và một xã hội càng ngày càng xa nhân đạo và mang nặng thú tính.

Vì lý do trên, trong những kỷ niệm của tôi về Huế những gì xảy ra năm 1945 luôn luôn chiếm một phần lớn. Hơn nữa, nếu nhìn lui với tư cách một sử gia, đối với tôi, năm 1945 là năm quan trọng nhất của lịch sử Việt Nam trong nửa thế kỷ vừa qua, vì những quyết định năm đó của những người cầm quyền các cường quốc, hoặc thắng trận - Mỹ, Tàu, Pháp, Anh, Nga - hoặc bại trận - Nhật -, và của những người cầm quyền ở Việt Nam, là nguyên do của những biến cố làm cho nhân dân Việt Nam bị điêu đứng trong thời gian đó, và nhất là từ 1975 đến nay.

Năm 1945, tôi vừa 21 tuổi. Tôi không có chức vị gì lớn, nhưng được cái may ở gần một số nhân vật có trọng trách về Việt Nam nên được mục kích, hay biết về, một số sự kiện có một tầm quan trọng nào đó.

Tôi thi đậu tú tài II vào mùa hè 1944, và tháng 9 năm đó phải đi Hà Nội để vào đại học. Sự kiện này xảy ra trước 1945, nhưng tôi thấy cần kể lại vì nó dính liền với những sự kiện xảy ra không bao lâu sau đó. Đi Hà Nội hồi đó là chạm trán trực tiếp với thực tại chiến tranh. Một là mua vé hoả xa đi Hà Nội rất gay go. Phải chờ đợi, chạy chọt mãi mới mua được cái vé. Lý do: chỗ hạn chế, vì số toa tàu hạn chế, và như thế vì có nhiều cầu bị Mỹ ném bom sập. Từ Huế đi Hà Nội có cầu Đê Lương, vùng Nghệ An. Vì xe hoả không qua được, phải đi ghe qua sông, và sau đó, phải ngủ lại một đêm ở Vinh. Xướng thuyền qua sông thì không có vấn đề gì, nhưng lúc đó tôi phải còn vác theo cái xe đạp để ra Hà Nội có phương tiện di chuyển, và lại phải lo cho bà mẹ của Bác sỹ Tôn thất Tùng. Hồi đó Bác sỹ Tùng chưa liên hệ gì với chính phủ ông Hồ, và

ông và tôi vừa là láng giềng ở Huế, vừa là bà con, vừa rất thân nhau trên bình diện cá nhân; ở Hà Nội tôi thường ở nhà ông ấy.

Chuyến đi này cũng là lần đầu trong đời mà tôi bị "bà đầm" xạc. Tới Vinh tôi phải điện thoại báo cho ông Tùng biết là bà mẹ ông ngày hôm sau mới đến được vì đang mắc kẹt ở Vinh. Nhưng khi xin được điện thoại thì bị bà đầm phụ trách "xạc" tại sao không nói "méc xì". Hồi đó, điện thoại còn phải quay qua điện dài và "xin gọi", và chỉ có mấy cô đầm lai mới được làm điện thoại viên, vì phải biết cả hai thứ tiếng, và vì đó là cách cho họ có công ăn việc làm. Nhiều cô đầm lai chẳng có học thức bao nhiêu (như Mỹ lai ở Miền Nam Việt Nam sau này) nên ngoài những việc như thế khó kiếm được việc khác. Nhưng là "đầm" thì họ cũng cho là họ có quyền hống hách với "An na mít". Tôi nhắc sự kiện này vì năm 1945 là lần đầu và lần duy nhất trong đời tôi mà tôi là "nạn nhân" trực tiếp của sự hống hách của thực dân Pháp.

\*\*\*

Trong thời gian học ở Hà Nội tôi ở Học xá sinh viên mới xây xong. Tôi và anh tôi ở chung một phòng với những người mà sau này tôi mới biết là toàn là "Việt Minh", và được giữ chức quan trọng trong chính quyền cộng sản, nhưng trong lúc ở chung hồi đó, là sinh viên cá, và toàn là bạn học của anh tôi, và một số trước học ở Huế và là sinh viên của trường võ bị trá hình "Thanh niên tiên tuyến" của hai ông Phan Anh và Tạ Quang Bửu trong chính phủ Trần Trọng Kim lập ra, nên hết sức vui vẻ, chẳng có vấn đề gì cả. Họ họ hoàn toàn không đề cập gì đến "Việt Minh" hay "cộng sản", mà cũng không bàn về chính trị. Họ chỉ yêu cầu tôi hai việc: buổi sáng dậy lo nấu xôi cho cả phòng ăn sáng, và mỗi ngày đọc tiếng Anh cho họ nghe cho quen tai.

Thời gian tôi học đại học Hà Nội rất ngắn, vì ngày 9 tháng 3 năm đó Nhật đảo chánh Pháp. Trong thời gian này có ba sự kiện cần ghi. Một là trong tuần tiếp theo cuộc đảo chánh, Học xá thành một nơi quan trọng: Tổng hội sinh viên lúc đó là tổ chức duy nhất được Nhật cho hoạt động chính thức (để nhờ giúp trong việc cứu thương, vì lúc đó Mỹ hay thả bom) nên có nhiều người dân đến nhờ chúng tôi can thiệp việc này việc khác như một chính phủ (họ gọi chúng tôi là "các quan"). Hai là lúc đó Lưu Hữu Phước viết bản nhạc "Này Thanh Niên Ôi" (sau này là quốc ca của Miền Nam) và tôi là người đánh máy lời nhạc để phổ biến vì tôi thạo về đánh máy chữ. Ba là một điều liên quan trực tiếp và mật thiết đến những gì xảy ra ở Huế nên tôi xin kể riêng và chi tiết dưới đây.

Chỉ một tuần sau ngày nhật đảo chánh, tôi và một người nữa (anh Lê Đình Tạo, người Huế, tráng sinh hướng đạo, anh của Lê Đình Dũ, bạn học một lớp với tôi) bảo tôi cùng anh ấy được anh Hoàng Đạo Thúy (trưởng hướng đạo ở Bắc Việt) nhờ mang một bức thư mật cho anh Tạ Quang Bửu ở Huế. Vì Nhật chặn hết xe hoả nên phải đi xe đạp. Lúc đó là thanh niên, đạp xe đạp 654 cây số đối với tôi chẳng thấm gì, và lại có dịp về Huế gặp ông Bửu nên tôi không

do dự gì cả. Lo là lo về cái thơ "mật", đi đường có thể bị người ta (không biết là ai) hay Nhật khám phá, và thứ đến là cướp (đèo Ngang, trường Nhà Hồ, có tiếng là những nơi "có đạo tặc"). Do đó, tôi phải dấu cái thơ thật kỹ; về hộ thân, mỗi người được phát một cây dao găm. Và mỗi người được phát một tấm giấy "con rồng" (500 đồng hồi đó) làm lộ phí.

Anh Tạo và tôi vui vẻ lên đường, ngày đạp đêm ngủ lại Nam định, Thanh hoá, Vinh, Đồng hới, Quảng trị, và sáng ngày thứ sáu về đến Huế. Trừ Nam định, đâu cũng có nhà bạn nên mọi việc êm suốt. Theo tục lệ Việt Nam, chẳng cần báo trước gì hết (không cần điện thoại trước, mà ở Việt Nam thời đó cũng chẳng ai có điện thoại để làm việc đó), cứ đến nơi dựng xe vào tường xong là được tiếp rước niềm nở giản dị.

Chúng tôi về đến Huế an toàn. Chỉ bị chặn một lần, ở cầu Phò trạch, gần Huế, nhưng lính Nhật gác nghe tôi nói "seito" nên hiểu là sinh viên và để cho qua không lời thôi gì. Tôi nhẹ người, vì nếu họ khám thấy có dao găm thì cũng lời thôi. Sau này đọc sách mới biết đây cũng là nơi mà, hai tuần trước đó, Hoàng đế Bảo đại đi săn ở Quảng trị về được Nhật chặn báo cho biết là Pháp đã bị lật đổ.

Đến Huế vào khoảng 10 giờ sáng. Anh Tạo ngưng lại gần Huế, vì nhà anh trên đường đi Quảng trị, cách Huế 6-7 cây số gì đó, còn tôi thì đi thẳng đến nhà ông Bửu đưa thơ. Chắc thơ nhắn gì với Hoàng đế Bảo đại (có thể là tuyên truyền cho Việt Minh, hay bàn chuyện Hoàng đế thoái vị), nên đọc thơ xong, ông Bửu nói: "Thiện không vô gặp ông Bảo đại được đâu [để đưa thơ ni?]. Để tui làm". Tôi nói với ông Bửu: "Anh nói cho Ngài biết là Việt Minh chẳng có thực lực chi mô; họ chỉ giỏi tuyên truyền thôi". Thế là xong sứ mạng, tôi đạp xe về nhà, nhảy xuống sông bơi liền. Cha mẹ tôi cũng không ngạc nhiên gì cả, vì họ quen thấy anh em chúng tôi đi đi về về như thế rồi.

Ba ngày sau, ông Bửu gọi tôi và bảo tôi trở lại Hà Nội với một bức thư trả lời. Thế là tôi với anh Tạo lại đạp xe đạp 654 cây số nữa trở lại Hà Nội. Thơ nói gì tất nhiên tôi không biết.

Đến Hà Nội tôi trao thơ cho người đại diện ông Thúy. Nghĩ được mấy ngày thì anh tôi và mấy người bạn khác nữa quyết định về Huế, nên tôi lại một lần nữa, đạp xe đạp 654 cây số. Thế là trong vòng không đầy ba tuần tôi đạp xe đạp Hà Nội - Huế ba lần, gần 2000 cây số! Sứ mạng là đưa thơ qua lại giữa những chính khách Huế và Hà Nội. Thơ nói gì thì tôi không được biết, nhưng sau này nghiên cứu sử về giai đoạn đó, tôi đoán ra là nó liên quan đến việc Hoàng đế Bảo đại thoái vị vào tháng 8 năm 1945 và trao quyền cho Hồ Chí Minh.

\*\*\*

Anh tôi và tôi về đến Huế vào khoảng cuối tháng 3. Lúc đó thì Hoàng đế Bảo đại, không liên lạc được với ông Diệm, đã mời ông Trần Trọng Kim lập

chính phủ. Trong chính phủ này ông Phan Anh được mời làm Tổng trưởng Thanh niên với ông Bửu làm Đặc ủy viên. Lúc đó, ông Bửu cho tôi biết hai chuyện. Một là ông đã gặp Hoàng đế Bảo đại trước khi nhận chức và Hoàng đế đã nói với ông: "Je vais jouer la carte américaine. Les français ne cherchent qu'à remplir leurs poches" (Tôi sẽ chơi lá bài Mỹ. Người Pháp chỉ biết lo cho đầy túi họ thôi). Câu nói rất hay và đầy ý nghĩa. Tôi cho rằng đó là con đường đúng. Nó làm cho tôi phấn khởi.+ Hai là ông đã đề cử tôi làm bí thư cho ông Phan Anh và ông này đã chấp nhận. Vậy tôi phải chuẩn bị để nhận việc khi có nội các, vào khoảng hai ba tuần nữa, nghĩa là sau lễ Phục sinh. Lúc đó tôi nghĩ vấn đề học hành và đi hướng đạo, nếu không chấm dứt thì cũng coi như phải gác lại. Nhưng tôi cũng muốn lợi dụng mấy ngày tự do còn lại để làm chuyện mà tôi cho là rất thích thú một lần cuối cùng, nên tôi rủ anh Bạch văn Quế, lúc đó cũng được biết là sẽ làm ở Bộ Thanh niên, "đi Bạch Mã", nghĩa là leo núi Bạch Mã và ở trong trại hướng đạo trên đó. Anh Quế bằng lòng ngay vì, là quản lý của trại, anh ấy cũng muốn xem trại trước khi vắng mặt lâu dài. Từ đó đến nay, tôi được đi học lại, nhưng cái thú "leo Bạch Mã" lại thì vẫn chưa thực hiện được, tuy sau 1954 và sau 1975 trong bạn bè tôi có người được đi thăm phúc đó.

Đi Bạch Mã về mấy hôm thì tôi vào làm bí thư cho ông Phan Anh. Đó là dịp cho tôi học và thâm kinh nghiệm về chính trị và ngoại giao. Trong thời gian làm việc ở Bộ Thanh niên đó có ba sự kiện mà tôi cho là đáng ghi. Một là tôi là nhân viên trẻ nhất của Bộ, và cùng với hai ông Phan Anh và Tạ Quang Bửu không phải là đảng viên ĐCS, còn những nhân viên khác thì lúc đó là đảng viên hay có liên hệ với đảng đó. Điều này về sau, lúc họ lộ diện hoạt động công khai sau tháng 8 tôi mới biết. Có nhiều người là nhân vật hàng đầu của ĐCS sau này giữ những chức vụ quan trọng.

Sự kiện thứ hai là Bộ Thanh niên là một bộ quốc phòng trá hình. Ông Bửu là người phụ trách về trường "Thanh niên tiên tuyến". Trường này thật sự là một trường huấn luyện sĩ quan. Phải làm như vậy vì lúc đó Nhật không cho chính phủ Trần Trọng Kim có bộ quốc phòng và quân đội. Nhân dịp này tưởng nên nhấn mạnh đây là Nhật đã vô tình mở đường cho ĐCS chiếm chính quyền dễ dàng sau khi họ đầu hàng vì lúc đó chính quyền Bảo đại hoàn toàn không có quân lực, 10.000 quân Pháp vẫn bị Nhật cầm tù, và chỉ có Hồ Chí Minh là có quân đội, và lại được OSS (CIA sau này) cấp cho mấy trăm khẩu súng tối tân và đạn dược. Ngoài ra, trước khi lên đường đi Hà Nội để điều đình với Đồng Minh, ông Phan Anh đã điện cho tất cả các thủ trưởng các tổ chức thanh niên trong nước phải chuẩn bị khí giới để chống Pháp. Đó là quyết định cuối cùng

---

+ Nhưng, theo tiết lộ của anh Trần Thuyên, năm 1947, ở Hồng Kông, Hoàng đế Bảo đại lại bỏ ý định đi Mỹ khi Mỹ sẵn sàng máy bay đưa ông ta đi. Lúc đó anh Trần Thuyên ở bên cạnh ông. Tôi đã đề cập đến anh Trần Thuyên trong một bài trước nói về trong trường hợp nào tôi đã gặp ông Ngô Đình Diệm (*Tiếng Sông Hương*, 1992)

của ông ấy, và của Bộ, và tôi là người phụ trách đánh máy và gửi bức điện văn đó.

Sự kiện thứ ba là Bộ Thanh niên cũng phần nào đóng vai trò của một Bộ ngoại giao vì uy tín của hai ông Phan Anh và Tạ Quang Bửu. Nó là nơi xuất phát những điện văn mà Hoàng đế Bảo đại gửi cho các quốc trưởng Đồng minh -- Truman, Stalin, Churchill, de Gaulle, Chiang Kai Shek --. Chắc là các điện văn do tay ông Phan Anh thảo, vì tôi phải dịch các điện văn đó ra tiếng Anh để gửi đi, và nếu là ông Bửu thảo thì ông đã thảo trực tiếp bằng tiếng Anh. Ngoài ra, ngày 19/8 ông Bửu nói cho tôi biết là ngày hôm sau ông ta và ông Phan Anh sẽ đi Hà Nội để lấy máy bay đi Chungking để gặp Đồng minh. Như vậy nghĩa là điều này, nếu không có bàn với ông Trần Văn Chương, lúc đó chính thức là Tổng trưởng Ngoại giao, thì ít nhất phải có bàn với Hoàng đế Bảo đại và có sự chấp thuận của ông ta và hai vị này phải đi với danh nghĩa là đặc phái viên của Hoàng đế. Ông Bửu không có nói với tôi Nhật có thoả thuận về việc này hay không và có chịu cấp máy bay cho mấy ông đi hay không. Theo tôi nghĩ thì phải có sự đồng tình của Nhật mới thực hiện ý định này được, nếu không thì ra đến Hà Nội, không có máy bay, thì cũng bó giò.

Việc hai ông Phan Anh và Tạ Quang Bửu đi Chungking để gặp Đồng minh không thành vì làm trễ quá. Hai ông đi chưa được nửa đường, đến Quỳnh Lưu, Nghệ An, thì xe bị "cách mạng" chặn và giữ lại. Sau đó, sau sự thoái vị của Hoàng đế Bảo đại hai ông không còn đường nào khác, và vì có quen biết với ông Võ Nguyên Giáp, nên chấp nhận hợp tác với chính phủ Hồ Chí Minh.

Bốn ngày sau, ngày 23 tháng 8, Hoàng đế Bảo đại quyết định thoái vị, và ngày 25, ông ta trao ấn kiếm cho Trần Huy Liệu, đại diện Hồ Chí Minh, tại cửa Ngọ Môn.

\*\*\*

Tôi là một trong mấy ngàn người mục kích cuộc "lễ" trao ấn kiếm nói trên. Đứng dưới bãi cỏ trước cửa Ngọ Môn tôi, hồi đó là một thanh niên 21 tuổi, có những cảm nghĩ gì? Cũng như tất cả những người trong đám đông tôi bị xúc động mạnh. Tuy tôi không khóc sướt sùi, nhưng tôi cũng lẩm bẩm mấy chữ: "Rứa là hết!".

Đúng vậy: sau 420 năm tranh đấu và xây dựng, sau 9 đời chúa và 10 đời vua, Nhà Nguyễn chấm dứt. Từ nay Việt Nam không có vua nữa; Hoàng đế Bảo đại chỉ còn là "Cựu Hoàng", hoặc "Vĩnh Thụy". Huế không còn là "kinh đô" nữa, và trở thành "cố đô".

Sự thoái vị của Cựu Hoàng Bảo đại có những hậu quả lớn lao, mà đến ngày nay, nửa thế kỷ sau, vẫn chưa lường hết được. Một phần của những hậu quả đó đã được đề cập đến trong các sách về Việt Nam. Một phần còn chưa thấy hết được, vì dân chúng Việt Nam, những người đang sống tha hương cũng như những người trong xứ, đang khám phá dần dần trong cuộc sống hằng ngày.

Trong hồi ký của ông, *Le Dragon d'Annam* (Con Rồng Việt Nam)<sup>11</sup>. Cựu Hoàng cũng đã kể lại chi tiết những sự kiện và ý nghĩ đã đẩy ông đến quyết định đó nên tưởng không cần nhắc lại ở đây. Tôi chỉ đưa ra vài nhận xét trong bối cảnh những thái độ và hành động của lãnh đạo quốc nội, và nhất là quốc tế, trong năm 1945, hay liên hệ đến năm 1945, mà tôi nghĩ rằng đã có tính cách quyết định lịch sử Việt Nam trong 50 năm qua.

Cựu Hoàng Bảo đại đã phạm hai sai lầm rất lớn và tai hại. Một là ngày 22/8/1945, khi Nhật phái một đại tá đến báo cho ông ấy biết là theo lệnh của Bộ chỉ huy Đồng minh họ phải giữ nguyên trạng cho đến khi đại diện Đồng minh đến, và như vậy họ có nhiệm vụ phải bảo vệ an ninh cho ông ta, thay vì bảo họ nếu được lệnh Đồng minh thì cứ thi hành, thì ông lại từ chối và ký giấy có đóng ấn giải từ trách nhiệm đó của Nhật. Quyết định này vô hiệu hoá lực lượng duy nhất có thể duy trì nguyên trạng ở phía bắc vĩ tuyến 17 và ngăn cản những lực lượng do cộng sản điều khiển cướp chính quyền trước khi Đồng minh đến, trong khi ở phía nam vĩ tuyến 17, không những Nhật tiếp tục giữ quyền hành cho đến khi đại diện Đồng minh đến, mà còn hành quân giúp Đồng minh đẩy lực lượng do cộng sản kiểm soát ra khỏi vùng Sài Gòn nữa.

Sai lầm lớn và tai hại thứ hai của Cựu Hoàng Bảo đại là quyết định thoái vị và trao ấn kiếm, nghĩa là quyền hành chính thức, cho ông Hồ ngày 25/8/1945. Sự kiện này tạo cho ông Hồ một thế quốc nội và quốc tế rất mạnh mà khó tổn gì cả. Điều mỉa mai ở đây là lúc đó ông Hồ cũng "chơi lá bài Mỹ", và thành công nhờ sự thoái vị của Hoàng đế Bảo đại, nhưng sau này, ông ta lại tố Cựu Hoàng là "tay sai của Mỹ"! Về đối nội, khi Hoàng đế đã ra đi và đã chính thức và công khai trao quyền cho ông Hồ thì ai không theo hay có chống cộng sản cũng bó tay, không còn con đường nào khác là hợp tác với chính phủ ông này nếu họ muốn tranh đấu cho độc lập xứ sở. Họ không thể đứng ngoài được vì, lúc đó, bất động là thờ ơ với xứ sở. Về phương diện quốc tế, các đại diện Đồng minh đến Việt Nam không thể từ chối giao thiệp với chính phủ ông Hồ và công nhận ông ta, ít nhất là *de facto*, vì ông ta đã nắm thực quyền, ít nhất là ở Hà Nội, và không những không có sự chống đối, mà lại được sự chấp nhận, của Hoàng đế Bảo đại.

Cựu Hoàng giải thích rằng ông muốn tránh một sự đổ máu, và thấy trong khi ông đánh điện cho các nguyên thủ quốc tế thì không ai đáp ứng thì ông Hồ lại được sự ủng hộ của Hoa Kỳ và Đồng minh. Sau này, Cựu Hoàng mới biết mình bị lừa. Như ông ta viết trong hồi ký "tất cả những ai gần ông ta [Hồ Chí Minh] đều tự lừa hay đã bị lừa. Người Mỹ, rồi Sainteny, thêm tôi nữa...". (*Con Rồng Việt Nam*, tr. 243) Lúc đó đã trễ rồi, và trong công cuộc tháo gỡ hậu quả sai lầm ấy lại phải đổ máu rất nhiều mà rốt cục chẳng đi đến đâu.

<sup>11</sup> S.M. Bao Dai, *Le Dragon d'Annam*, Plon, Paris, 1980. Bản dịch tiếng Việt: Bảo Đại, *Con Rồng Việt Nam*, Xuân Thu Publishing, Los Alamitos, CA, 1992

Là nguyên thủ quốc gia toàn quyền lúc đó, Cựu Hoàng tất nhiên có trách nhiệm của ông trong những gì xảy ra cho Việt Nam. Nhưng nếu xét kỹ ra thì ông, cũng như toàn dân Việt Nam, "bên này" cũng như "bên kia" -- ngoại trừ những người cộng sản cuồng tín -- chỉ là nạn nhân của những lỗi lầm của các nhà chức trách quốc tế, nhất là Nhật và Mỹ, năm 1945.

Người mang trách nhiệm nặng nhất về những gì xảy ra cho dân Việt Nam (và dân Mỹ) từ 1945 đến nay là cố Tổng thống Roosevelt. Kế đó là cố Tổng thống Truman. Ông Roosevelt là người đã quyết định không cho Pháp trở lại Việt Nam, và muốn đặt Việt Nam một thời gian dưới sự quản lý (trusteeship) của Liên Hiệp Quốc, nhưng ông ta không có một chương trình kế hoạch gì cụ thể để chính thức hóa ý định đó. Những ý định của ông chỉ được tiết lộ qua những lời tuyên bố *có tính cách tư*, trong những buổi nói chuyện với những cộng sự viên thân cận mà thôi, không được ghi trên giấy tờ chỉ thị gì cho Bộ Ngoại giao Mỹ hết. Cho nên khi ở Hội nghị Liên Hiệp Quốc ở San Francisco vào tháng 5 năm 1945, khi chính phủ Pháp hỏi về lập trường của chính phủ Hoa kỳ về Việt Nam, Bộ Ngoại giao Mỹ nói không có chỉ thị gì của Tổng Thống Roosevelt về việc đó cả. Trong khi đó, nhân viên OSS (CIA sau này) ở Chungking, Kunming và Hà Nội vẫn viện cớ là "tiếp tục thi hành chỉ thị của Tổng thống Roosevelt" (được chuyển miệng qua tướng Donovan, thủ trưởng của OSS và là người thân cận của Roosevelt) không cho người Pháp vào Việt Nam, và, như thế, tạo điều kiện cho ông Hồ cướp chính quyền một cách dễ dàng.

Đến tháng 8, lúc Truman gặp de Gaulle và chấp nhận cho Pháp thay thế quân Trung Quốc ở Việt Nam, ông ta có đủ thế và lực để đòi Pháp phải cam đoan trước Liên Hiệp Quốc là sẽ cho Việt Nam độc lập sau một thời gian nào đó, nhưng ông ta cũng không nêu lên giải pháp này vì lúc đó ông ta đang phải đối đầu với Stalin ở Âu châu và đã biết rằng Hồ Chí Minh là cộng sản! Nếu có một cam đoan như thế thì chắc chắn là sẽ có rất ít người chấp nhận đường lối chiến tranh của cộng sản trong việc mưu cầu độc lập.

Về phía Nhật thì có hai quyết định rất tai hại cho Việt Nam. Một là năm 1943, tại Hội nghị về Đông Nam Á ở Đông kinh, chính quyền Nhật quyết định chỉ cho Nam Dương, Phi luật tân, Thái lan và Miến Điện độc lập, còn Việt Nam và Mã lai thì giữ nguyên trạng thuộc địa. Hậu quả là Phi, Nam dương, Thái lan, Miến điện tuy rằng phải nằm trong Khối thịnh vượng chung do Nhật điều khiển, nhưng họ có quyền lập chính phủ và *nhất là thiết lập quân đội*. Nhờ đó mà sau khi Nhật đầu hàng họ có chính phủ vững chắc, và *đặc biệt là có quân đội* để dẹp tan những lực lượng cộng sản, đồng thời đương đầu với quân đội thực dân trở lại và đòi được quyền độc lập với sự ủng hộ quốc tế trước Liên Hiệp Quốc.

Quyết định thứ hai là tháng 3 năm 1945, sau khi đảo chính Pháp, Nhật không cho chính phủ Việt Nam có Bộ Quốc phòng và quân đội, và không cho ông Diệm làm Thủ tướng. Hậu quả của quyết định này là làm cho chính quyền

Bảo đại hoàn toàn bị bó tay sau khi Nhật đầu hàng và không còn ý chí nắm quyền hành ở Việt Nam nữa.

Về những sai lầm của Pháp, đặc biệt là do sự ngờ ngẩn của Sainteny gây ra, thì nhiều sách đã nói đến và ai cũng biết không cần nhắc lại đây. Còn Trung hoa thì không có khả năng thi hành chính sách gì hữu hiệu, và quyết định phụ thuộc vào Mỹ.

Về nội bộ cũng vậy, trừ một điểm ít được để ý: các chính khách không cộng sản quá cứng rắn và đều này làm cho hồng việc lớn. Ông Diệm bản chất rất cứng rắn. Điều này ai cũng biết. Nhưng các lãnh tụ khác, ví dụ lãnh tụ Việt Nam Quốc Dân Đảng, cũng vậy.

Cái cứng rắn của ông Diệm đã gây rất nhiều khó khăn cho ông ta, và rốt cục dẫn đến cái chết của ông ta. Nhưng năm 1945, nó có một hậu quả khác. Vì ông nhất quyết đòi Nhật trả ngay chủ quyền về Nam kỳ cho Việt Nam, và vì ông đòi một quy chế độc lập thực sự và hoàn toàn ngay cho Việt Nam nên Nhật không muốn cho ông làm Thủ tướng, viện cớ là tìm ông không ra (!) và Hoàng đế Bảo đại phải mời ông Trần Trọng Kim. Nếu ông Diệm là Thủ tướng vào tháng 8 năm 1945 thì chắc chắn sẽ không có vụ Hoàng đế Bảo đại thoái vị. Ông Diệm, như Soekarno ở Nam dương, sẽ dè bẹp cộng sản ngay, được sự ủng hộ quốc tế, và lúc đó, ngay cả của Nga sô, và vấn đề Việt Nam được đưa ra Liên Hiệp Quốc và giải quyết mau lẹ và thỏa đáng như vấn đề Nam dương.

Về phần VNQDD thì Sainteny kể lại trong hồi ký, *Histoire d'une paix manquée*, lúc ở Văn Nam ông ta tiếp xúc với đại diện của QĐĐ, là ông Nguyễn Tường Tam, ông ta ngán vì thấy ông này đòi hỏi gắt gao quá (ông dùng danh từ "farouche") trong khi Việt Minh thì đòi hỏi rất ít.\* Cho nên Sainteny đi lại với ông Hồ thấy dễ chịu hơn...cho đến khi ông Hồ cảm thấy mình mạnh, nghĩa là cuối năm 1949. Nhưng chuyện này, tuy cũng xảy ra năm 1945, nhưng kéo ta đi xa Huế.

Trên đây tôi chỉ đề cập đến một số sự kiện xảy ra ở Huế năm 1945, không đi sâu vào những gì xảy ra ở Hà Nội hoặc những nơi khác.

Dù sao, hậu quả tập hợp của những sự kiện trên là những gì xảy ra cho Việt Nam và đặc biệt là cho con em xứ Huế, trong 50 năm qua có thể coi là bắt nguồn từ vài quyết định then chốt của một số nhân vật Việt Nam và quốc tế trong năm 1945.

Huế không còn là "kinh đô" của Việt Nam nữa. Nhưng may ra thì tinh thần và phong cách "Phú xuân" của dân xứ Huế sẽ còn tồn tại lâu dài.

Ottawa, tháng 2, năm 1995

\* Jean Sainteny, *Histoire d'une paix manquée, Indochine 1945-1947*, Paris, Fayard, 1967 (1948). Xem chương 5.